

*Đà Lạt, ngày 17 tháng 02 năm 2021*

Số: **67/2021/QĐST-HNGĐ**

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 26/2021/TLST/HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2021 giữa: bà Trần Thị Tường V, sinh năm: 1993, địa chỉ: số 22A, đường An T, phường H, thành phố Đ, tỉnh L, địa chỉ liên lạc: Số 07, đường Gio A, phường H, thành phố Đ, tỉnh L và ông Trần Ngọc M, sinh năm: 1989, địa chỉ: Số 101, đường Hoàng D, phường H, thành phố Đ, tỉnh L

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành **ngày 05 tháng 02 năm 2021**.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 **tháng 02 năm 2021** là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:** Bà Trần Thị Tường V và ông Trần Ngọc M đều thỏa thuận thuận tình ly hôn.

**2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

*Về con chung:* Có 01 con chung tên Trần Hữu T, sinh ngày 25/11/2019. Ly hôn hai bên thỏa thuận giao con chung tên Trần Hữu T, sinh ngày 25/11/2019 cho bà Trần Thị Tường V trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên. Ông Trần Ngọc M

cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000đồng/tháng cho đến khi con thành niên. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 02/2021.

*Về tài sản chung:* Không có tài sản chung, không yêu cầu tòa giải quyết.

*Về nợ chung:* Không có nợ chung

*Kể từ ngày bản án (quyết định) có hiệu lực pháp luật bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

Quyền thăm nuôi con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

*Về án phí:* Bà Trần Thị Tường V chịu 150.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 150.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con (được trừ vào số tiền 300.000đ bà V đã tạm nộp theo biên lai thu số AA/2017/0003503 ngày 11 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Đ).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.*

**Nơi nhận:**

- Tòa án tỉnh L.
- Viện kiểm sát ND, tp Đ.
- UBND phường 5, TP Đ- L.
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Trần Văn Điền**